

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 470/2023/HS-ST
Ngày: 14-9-2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Bà Nguyễn Thị Kim Yến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 495/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 508/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị C, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1990 tại Cà Mau; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **tổ D, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; Chỗ ở hiện nay: **tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm: 1961 (Chết) và bà **Phan Thị S1**, sinh năm: 1962; Gia đình bị cáo có 08 chị, em và bị cáo là con thứ 6 trong gia đình; Có chồng tên **Đỗ Thành T**, sinh năm 1984 và 02 con (lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Bị hại:

- Chị **Vũ Thị Thu H**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: **khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** (Vắng mặt).

- Chị **Đỗ Thị Kim X**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: **khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Nguyễn Viết H1, sinh năm 1995; Nơi cư trú: khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- Chị Lê Thị H2, sinh năm 1993; Nơi cư trú: khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Hà Hải A, sinh năm 1965; Nơi cư trú: khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- Anh Phạm Đại D, sinh năm 1994; Nơi cư trú: khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm và đang nuôi con nhỏ nên Nguyễn Thị C nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn: Chăm điều khiển xe mô tô biển số 88F3-8990 đến các cửa hàng trên địa bàn phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để mua hàng hoá, sau đó Chăm nói dối với các chủ cửa hàng là không có tiền mặt để thanh toán và đề nghị được thanh toán qua hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho các chủ cửa hàng hoặc Chăm nói dối cần tiền đóng tiền học cho con, đề nghị các chủ cửa hàng đưa tiền mặt cho C rồi C sẽ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho các chủ cửa hàng. Tiếp đó, khi các chủ cửa hàng đồng ý nhận tiền dưới hình thức chuyển khoản ngân hàng thì C sử dụng ví điện tử MoMo trên điện thoại của mình rồi Chăm đăng nhập họ và tên, số tài khoản của các bị hại, số tiền cần chuyển, thao tác giống như chuyển khoản ngân hàng bình thường rồi bấm chuyển đi, mặc dù trong tài khoản của C không có tiền nhưng màn hình vẫn hiển thị là “thanh toán an toàn” rồi Chăm đưa màn hình điện thoại thể hiện “thanh toán an toàn” để tạo lòng tin cho các bị hại là C đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của các bị hại rồi chiếm đoạt tiền. Cụ thể, từ tháng 6/2022 đến tháng 10/2022, C đã thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 14 giờ, ngày 14-6-2022, C đến cửa hàng tạp hoá “Dạ Nguyệt” tại tổ E, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do chị Vũ Thị Thu H làm chủ để giả vờ mua một số hàng hoá với trị giá là 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) rồi C nói chị H đưa thêm cho C số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền mặt để Chăm chuyển khoản cho chị H với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) thì chị H đồng ý. Sau đó, C với thủ đoạn như trên giả vờ chuyển tiền vào số tài khoản 05430651000 của ngân hàng B, mang tên Phạm Vinh H3 (là chồng chị H) rồi lợi dụng lúc chị H bận việc C mang theo hàng hoá đã mua và điều khiển xe mô tô trên bỏ chạy.

Vụ thứ hai: Khoảng 21 giờ, ngày 25-6-2022, Chăm đến cửa hàng bán đồ gia dụng tại tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do chị Đỗ Thị Kim X làm chủ để giả vờ mua một số hàng hoá với trị giá là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) rồi C nói chị X đưa thêm cho C số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) tiền

mặt để **C** chuyển khoản cho chị **X** với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) thì chị **X** đồng ý. Sau đó, **C** với thủ đoạn như trên giả vờ chuyển tiền vào số tài khoản 0481000768755 của **ngân hàng V** của chị **X** rồi **C** để lại số điện thoại cho chị **X** làm tin, mang theo hàng hoá đã mua và bỏ đi.

Vụ thứ ba: Khoảng giữa tháng 8/2022 (Không rõ ngày), **C** đến cửa hàng “Huyền L” tại **khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** do anh **Nguyễn Viết H1** làm chủ để giả vờ mua một số hàng hoá với trị giá là 1.000.000đ (Một triệu đồng) rồi **C** nói anh **H1** đưa thêm cho **C** số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền mặt để **C** chuyển khoản cho anh **H1** với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) thì anh **H1** đồng ý. Sau đó, **C** với thủ đoạn như trên giả vờ chuyển tiền vào số tài khoản 13210000209561 của **ngân hàng B1** của anh **H1** rồi **C** để lại số điện thoại cho anh **H1** làm tin, mang theo hàng hoá đã mua và bỏ đi.

Vụ thứ tư: Khoảng 19 giờ ngày 07-10-2022, **C** đến cửa hàng “MP Kids” tại **khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** do chị **Lê Thị H2** làm chủ để giả vờ mua một số hàng hoá với trị giá là 868.000đ (**T1** trăm sáu trăm mười tám đồng) rồi **C** nói chị **H2** đưa thêm cho **C** số tiền 4.132.000đ (Bốn triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền mặt để **C** chuyển khoản cho chị **H2** với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thì chị **H2** đồng ý. Sau đó, **C** với thủ đoạn như trên giả vờ chuyển tiền vào số tài khoản 0461000480104 của **ngân hàng V** của chị **H2** rồi **C** để lại số điện thoại cho chị **H2** làm tin, mang theo hàng hoá đã mua và bỏ đi.

Vụ thứ năm: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10-10-2022, **C** đến cửa hàng “Trang Châu” tại **tổ A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** do bà **Hà Hải A** làm chủ để giả vờ mua một số hàng hoá với trị giá là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng), số tiền này **C** đã thanh toán cho bà **A**. Sau đó, **C** nói bà **A** cần tiền đóng học phí cho con nên đề nghị bà **A** đưa cho **C** số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền mặt và **C** chuyển khoản cho bà **A** với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) thì bà **A** đồng ý. Sau đó, **C** với thủ đoạn như trên giả vờ chuyển tiền vào số tài khoản 0121000946036 của **ngân hàng V**, mang tên **Nguyễn Văn H4** (con bà **A**) rồi **C** bỏ đi.

Vụ thứ sáu: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 06-11-2022, **C** đến cửa hàng “Golkid” tại **tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** do anh **Phạm Đại D** làm chủ để giả vờ mua một số hàng hoá với trị giá là 648.000đ (Sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng), rồi **C** nói anh **D** đưa cho **C** số tiền 2.352.000đ (Hai triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền mặt để **C** chuyển khoản cho anh **D** với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) thì anh **D** đồng ý. Sau đó, **C** với thủ đoạn như trên giả vờ chuyển tiền vào số tài khoản 0121000832831 của **ngân hàng V** của anh **D** rồi **C** mang theo số hàng hoá đã mua, bỏ đi.

Vật chứng thu giữ:

- 02 (Hai) hình ảnh chụp tài khoản MoMo giao dịch chuyển tiền,
- 01 (Một) USB ghi lại hình ảnh sự việc phạm tội,
- 05 (Năm) tờ A4 có nội dung tin nhắn chuyển tiền: lưu hồ sơ vụ án.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 88F3-8990.
- 01 (Một) điện thoại di động S2 J4+ thuộc sở hữu của Nguyễn Thị C.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

- Chị Vũ Thị Thu H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng); chị Lê Thị H2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và anh Vũ Đại D1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

- Chị Đỗ Thị Kim X, anh Nguyễn Viết H1, bà Hà Hải A không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xử lý trả lại cho ông Lê Văn C1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 88F3-8990.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị C thừa nhận hành vi sử dụng ví điện tử MoMo không có tiền trong tài khoản nhưng vẫn thực hiện thao tác chuyển tiền cho các bị hại để tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 18.000.000 đồng phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã công bố. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

Bản cáo trạng số 492/CT-VKSBH ngày 24/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị C đều thừa nhận hành vi sử dụng ví điện tử MoMo không có tiền trong tài khoản nhưng vẫn thực hiện thao tác chuyển tiền cho các bị hại để tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 18.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị C từ 18 (mười tám) tháng tù đến 20 (hai mươi) tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị C bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xử lý xong nên không xem xét.

Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động S2 J4+ thuộc sở hữu của Nguyễn Thị C sử dụng vào việc phạm tội

- Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị C nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo, bị hại có đủ cơ sở xác định:

Từ tháng 06/2022 đến tháng 10/2022, Nguyễn Thị C đến các cửa hàng tạp hoá trên địa bàn phường T, thành phố B để mua hàng hoá đồng thời đề nghị đưa thêm tiền mặt cho C rồi C sẽ chuyển tiền vào tài khoản cho các chủ cửa hàng. Mặc dù trong tài khoản không có tiền nhưng C vẫn sử dụng ví điện tử MoMo trên điện thoại của mình thực hiện các thao tác chuyển tiền để tạo lòng tin cho các bị hại là C đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của các bị hại, tổng số tiền C đã chiếm đoạt là 18.000.000 đồng.

[4] Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Mặc dù bị cáo nhận thức được hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền thỏa mãn nhu cầu của cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo còn gây tâm lý bất an trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt thật nghiêm để cải tạo, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm vào tình tiết phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[9] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị **Vũ Thị Thu H** số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng);

Chị **Đỗ Thị Kim X**, anh **Nguyễn Viết H1**, bà **Hà Hải A**, chị **Lê Thị H2**, anh **Vũ Đại D1** không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[10] Về biện pháp tư pháp:

Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã hoàn trả tài sản cho chủ sở hữu xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động **S2** J4+ thuộc sở hữu của **Nguyễn Thị C** sử dụng vào việc phạm tội

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo **Nguyễn Thị C** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.**

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị C** **01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động **S2** J4+ thuộc sở hữu của **Nguyễn Thị C** sử dụng vào việc phạm tội

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Nguyễn Thị C** phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Nguyễn Thị C** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại chị **Vũ Thị Thu H**, chị **Đỗ Thị Kim X**, anh **Nguyễn Viết H1**, bà **Hà Hải A**, chị **Lê Thị H2**, anh **Vũ Đại D1** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Cơ quan điều tra Công an TP. Biên Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Anh Đức
(Đã ký)**